*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 5 - CHỦ ĐỀ 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI**

**TUẦN 13 - Tiết 61,62,63,64,65**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**

****

****



Giữa hàng ngàn ngôn ngữ giao tiếp trên thế giới, nụ cười dường như là ngôn ngữ đẹp nhất mà ai cũng hiểu. Có thể xem nụ cười là bản chất có sẵn trong mỗi con người bởi chúng ta đã cười từ khi mới chỉ là đứa trẻ sơ sinh và duy trì nó trong suốt quãng đời còn lại. Một nụ cười chứa đựng sức mạnh diệu kỳ bên trong nó, thiếu đi nụ cười, cuộc sống cũng trở nên vô nghĩa và không còn cảm giác hạnh phúc.

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết:

* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng.
* Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.
* Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ.

- Năng lực đọc hiểu các văn bản hài kịch và truyện cười trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lố lăng; hướng đến cách ứng xử phù hợp.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để

ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

* *Tôi nghĩ một trong những điều trớ trêu của cuộc đời là gây ra sai lầm vào đúng lúc.*
* *Chiếc gương là người bạn thân thiết nhất của tôi bởi vì nó không bao giờ cười khi tôi khóc.*



**( THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN: 20 PHÚT)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại truyện, truyện cười và hài kịch.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu cách hiểu của mình về truyện, truyện cười và những nét đặc trưng khi tìm hiểu thể loại này?  - Em hãy nêu cách hiểu của mình về kịch, hài kịch và những nét đặc trưng khi tìm hiểu thể loại này?  - Bằng những tri thức đã có, em hãy so sánh sự giống và khác nhau giữa hai thể loại hài kịch và truyện cười?  ( GV đã phát phiếu này cho hs từ cuối tiết học chính khóa trên lớp và yêu cầu HS thực hiện ở nhà)    -Em hãy nêu tên các văn bản mà em đã được học ở bài 5 trong SGK. NV8. KNTT  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I.TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI CẦN GHI NHỚ.**   * **THỂ LOẠI TRUYỆN**   - Truyện là thể loại văn học xuất hiện từ lâu, sau thơ ca trữ tình.  - Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc.  - Truyện tái hiện đời sống khách quan thông qua hệ thống sự kiện, biến cố…trong đó cốt truyện đóng vai trò chủ yếu.  + Cốt truyện là hệ thống các sự kiện được tổ chức chặt chẽ theo yêu cầu về tư tưởng nhất định, có mở đầu, phát triển và kết thúc. Cốt truyện là hình thức tổ chức sơ đẳng nhất của truyện, là hệ thống cụ thể những biến cố trong tác phẩm, hệ thống đó có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau.  + Gắn với cốt truyện là hệ thống nhân vật.  +Nhân vật là người tạo ra hành động, có hành động của nhân vật thì mới có cốt truyện để kể.  + Nhân vật trong truyện được khắc họa một cách tỉ mỉ, từ ngoại hình lẫn thế giới nội tâm, cả trong quá khứ lẫn hiện tại, trong xu thế phát triển và chân dung  của nhân vật hiện lên một cách rõ nét.   * **THỂ LOẠI TRUYỆN CƯỜI**   • Truyện cười là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười nhằm chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mĩ tục của con người và còn nhằm mục đích giải trí  Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí trong đời sống.... Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cuối thường là đối tượng bị chế giễu  Ngôn ngữ truyện cuối dân dã, nhiều ẩn ý.  • Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết.     * **THỂ LOẠI KỊCH**   - Kịch là một thể loại văn học, một loại hình nghệ thuật tổng hợp, mang tính tự sự, có cốt truyện, có nhân vật.  - Nhưng kịch được viểt ra không phải chỉ dùng để đọc hay kể, mà để trình diễn. -> Do đó, mọi điều mà tác giả muốn truyền tải đều phải thông qua nhân vật, được nhân vật thể hiện bằng lời thoại, bằng động tác, bằng hành động. Bản chất của kịch là trình diễn, cho nên kịch được thể hiện trong một điều kiện nhất định như: không gian, thời gian, địa điểm. (Sân khấu)  - Trong kịch, người nghệ sĩ lấy xung đột kịch làm cơ sở cho sự sáng tạo nghệ thuật của mình, đó là con đường ngắn nhất đi đến với hiện thực “ xung đột kịch là cơ sở của kịch” ( Pha-dê-ép). Xung đột kịch là động lực thúc đẩy sự phát triển của hành động kịch nhằm xác lập mối quan hệ mới giữa các nhân vật vốn được coi là kết thúc tất yếu của tác phẩm kịch. Thiếu xung đột kịch, tác phẩm kịch sẽ mất đi đặc trưng cơ bản đầu tiên của thể loại.   * Hài Kịch là một thể loại của kịch, hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lố bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực và cái tốt đẹp, tiến bộ. Trong hài kịch có nhiều hình thức xung đột, nhưng phổ biến nhất là sự không tương xứng giữa cái bốn trong với cái bên ngoài. * Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cuối. * Nhân vật chính trong hài kịch là những kiểu người có tính cách tiêu biểu cho các thói xấu đáng phê phán: hà tiện, tham lam, kiêu căng, khoe mẽ... * Lời đối thoại trong hài kịch mang đậm tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch. * Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang: dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lùng, nhại.... * Khi đọc một hài kịch, ngoài nội dung, chủ đề, em cần chú ý một số yếu tổ đặc trưng của một văn bản kịch như xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. Em có thể tự trả lời những câu hỏi về nội dung cơ bản và đặc điểm nghệ thuật nổi bật của văn bản kịch, chẳng hạn:Chủ đềcủa hài kịch này là gì? Xung đột cơ bản nào được phản ánh qua hài kịch này? Nhân vật chính là ai? Tính cách tiêu biểu của nhân vật chính là gì? Tính cách độ thể hiện như thế nào qua ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của nhân vật? Em có nhận xét gì về lời thoại trong hài kịch này? Thủ pháp trào phúng nào được sử dụng để gây cười?   Đối với truyện cười, ngoài chủ đề, em cần chú ý đến cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. Một số câu hỏi cần được đặt ra trong quá trình đọc:Chủ đề của truyện cười này là gì? Bối cảnh của truyện cười này có gì đặc biệt Nhân vật của truyện gồm những ai, trong đó ai là nhân vật chính? Nhân vật chính có tính cách gì đáng cười? Ngôn ngữ trong truyện cười này có gì độc đáo? Điều em thấy thú vị nhất khi đọc truyện cười này là gì?    **SO SÁNH HÀI KỊCH VÀ TRUYỆN CƯỜI**     * **NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý KHI ĐỌC, TÌM HIỂU TRUYỆN VÀ KỊCH**   1.Tìm hiểu bối cảnh xã hội, hoàn cảnh sáng tác để có cơ sở cảm nhận các tầng lớp nội dung và ý nghĩa của truyện.  2. Phân tích diễn biến của cốt truyện qua các phần mở đầu, vận động, kết thúc, với các tình tiết, sự kiện, biến cố cụ thể.  3. Phân tích nhân vật ta phải làm rõ ý nghĩa của các chi tiết miêu tả nhân vật về ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ. Tìm hiểu mối quan hệ giữa các nhân vật này với nhân vật khác, giữa nhân vật với hoàn cảnh xung quanh.  4. Truyện đặt ra vấn đề gì ?, mang ý nghĩa tư tưởng như thế nào ?, giá trị thể hiện ở các phương diện nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ. Cần thấy được truyện không chỉ “ tái hiện lịch sử đời sống” mà còn là “ hành trình đi tìm con người trong con người. |

**ÔN TẬP VĂN BẢN 1: TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG**

**( MO – LI - E)**

**HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN DIỆN ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI HÀI KỊCH QUA**

**VĂN BẢN TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG ( MO – LI - E)**

* **Mục tiêu:** HS nhận biết được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp tào phúng.

****

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu hs đọc tái hiện lại văn bản trưởng giả học làm sang.**  - GV tổ chức cho HS đọc phân vai  + 1 HS đọc lời dẫn, 1 HS vai ông Giuốc - đanh, 1 HS vai bác phó may, 1 HS vai thợ phụ, 1 HS vai Ni-côn.  - Sau khi đọc GV yêu cầu HS tóm tắt đoạn trích.  - HS tóm tắt, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu hs giới thiệu đôi nét về tác giả.**  - HS trả lời, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và kết luận.  **Nhiệm vụ 3: GV tổ chức thảo luận để tìm ra các đặc trưng của thể loại hài kịch qua văn bản.**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu hỏi 1**: Chủ đề của văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” là gì?  **Câu hỏi 2:** Những nhân vật nào xuất hiện trong văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”? Nhân vật nào là đối tượng bị châm biếm?  **Câu hỏi 3**: Lớp kịch “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” gồm mấy cảnh? Hãy tóm tắt nội dung của từng cảnh?  **Câu hỏi 4**: Đoạn trích xuất hiện mấy xung đột kịch? Đó là những xung đột nào?  **Câu hỏi 5:T**ính cách nhân vật được khắc họa qua những chi tiết nào**?**  **Câu hỏi 6**: Thủ pháp nghệ thuật trào phúng được thể hiện như thế nào qua lớp kịch?  **Câu hỏi 7:** Qua lớp kịch “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” tác giả muốn phê phán điều gì?  **Câu hỏi 8:** Qua văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  **Câu hỏi 9:** Qua văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  - HS trả lời, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét và kết luận. | **I.TRI THỨC NGỮ VĂN CẦN NHỚ**  1. Tác giả:  Mô-li-e (1622-1673) là nhà viết hài kịch Pháp. Cuộc đời Mô-li-e là cuộc đời chiến đấu của một nghệ sĩ dũng cảm, luôn luôn đứng về phía nhân dân chống lại những lực lượng phản động, nhà thờ, quý tộc, tầng lớp tư sản lạc hậu muốn kìm hãm xã hội trong ngu dốt, nô lệ. Mô-li-e chiếm một vị trí lớn trong lịch sử văn học Pháp. Ông là cha đẻ của hài kịch Pháp. Ông đưa hài kịch của nước ông từ chỗ chỉ là những kịch hề hoặc những kịch vui nhộn ngoại lai kiểu hài kịch ý thế kỉ XVI lên một nền hài kịch mang tính tư tưởng sâu sắc dựa trên truyền thống dân tộc. Vở kịch "Trưởng giả học làm sang" là một trong những vở kịch nổi tiếng của ông, trong đó lớp kịch "Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục" là lớp kịch tiêu biểu.  2. Tóm tắt nội dung văn bản ông Giuốc đanh mặc lễ phục.  *Lão Giuốc–đanh là một tên cục mịch, quê kệch, khuôn mặt xấu xí, tính cách ngờ nghệch, dốt nát… Nhà lão nhờ buôn bán nên trở nên giàu có. Chính vì vậy, lão muốn học đòi làm sang, muốn trở thành quý tộc nên đã bị không ít kẻ lợi dụng. Để có thể viết thư tình gửi cho một bà địa quý tộc mà lão phải lòng, lão đã mời rất nhiều thầy triết để học tiếng La–tinh, học lôgic, luận lý, cả cách viết chính tả, cách phát âm… Sau đó, lão Giuốc–đanh muốn may cho mình một bộ lễ phục đẹp nhất triều đình.Và tên phó may cùng với bốn thợ phụ đã kéo đến để mặc thử lễ phục cho lão. Chúng biết được sự “ham” sang của lão nên đã không tiếc lời tâng bốc nào là “ ông lớn”, “cụ lớn” rồi đến “đức ông” khiến lão vô cùng vui sướng. Sự ngờ nghệch đó đã khiến lão phải bị mất đi bao nhiêu tiền cho bọn nịnh hót, săn đón mình.*  *Nhà lão Giuốc–đanh có nàng Luy–xin là con gái xinh đẹp rất được yêu thương của lão. Nhưng lão không tán thành chuyện tình cảm của con gái với Clê–ông vì nhà anh ta không thuộc tầng lớp quý tộc. Và để cưới được Luy–xin làm vợ, Clê–ông đã theo lời của Cô – vi – en đầy tớ thân cận của mình là cải trang thành một vị hoàng tử Thổ Nhĩ Kỳ nên đã được lão Giuốc–đanh gã Luy-xin cho mình.*   * Chủ đề của văn bản “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” là phê phán những con người đã dốt còn học đòi làm sang. * Nhân vật ông Giuốc – đanh là đối tượng bị châm biếm Ông Giuốc-đanh thừa tiền, vô học, muốn kiếm cái danh vì ông rất háo danh. * Tính cách của nhân vật thông qua lời nói, hành động. * **Lớp kịch “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” gồm 2 cảnh**   + Cảnh 1 là lời thoại của ông Giuốc - đanh và bác phó may.  + Cảnh sau là cuộc đối thoại giữa ông Giuốc - đanh và tay thợ phụ.   * Em rút ra được bài học cho bản thân   + Cần sống đúng với hoàn cảnh của bản thân.  + Không vì hư danh, ảo vọng, xu nịnh mà bị người khác lợi dụng và thay đổi.  + Lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh và lứa tuổi. |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về hài kịch, luyện tập cách đọc hiểu văn bản hài kịch.

Ngữ liệu sử dụng các văn bản hài kịch trong (bộ KNTT) và ngoài SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV PHÁT PHIẾU BÀI TẬP**  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS thực hiện trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **BÀI LÀM CỦA HS** |

**PHIẾU BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**

**Bài 1: Em hãy lựa chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời những câu hỏi sau**

**Câu 1:** Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật Giuốc-đanh trong đoạn trích là gì?

A. Trong một gia đình trí thức, bản thân ông được học hành tử tế.

B. Trong một gia đình quý tộc sang trọng.

**C. Trong một gia đình thương nhân giàu có.**

D. Trong một gia đình thuộc dòng họ vua chúa.

**Câu 2:** Đặc điểm nổi bật của “bộ lễ phục đẹp nhất triều đình” của ông Giuốc đanh là gì ?

A. Màu đen      C. Trang nhã, rẻ tiền

**B. Hoa ngược**      D. Gồm ý A và B

**Câu 3:** Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

**B. Dốt nát, kém hiểu biết.**

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hỉnh.

**Câu 5:** Bác phó may đã làm gì để lợi dụng tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh ?

A. Giải thích cho ông Giuốc-đanh biết rằng việc may áo ngược hoa là phù hợp với kiểu cách của người quí phái.

B. May thêm một chiếc áo cho riêng mình bằng chính tấm vải ông Giuốc-đanh đặt để may bộ lễ phục.

C. Đem theo những người thợ phụ giúp ông Giuốc đanh mặc theo cách thức của những người quí phái để moi tiền của ông ta.

**D. Gồm cả A, B và C.**

**Câu 6:** Mục đích của nhà văn khi khắc hoạ các động tác “ cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói” cả ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của điệu nhạc ?

**A. Khắc hoạ sinh động hơn thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh và tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.**

B. Tạo không khí vui nhộn, sinh động cho cảnh mới nhằm thu hút sự chú ý của khán giả.

C. Chế giễu sự kém hiểu biết và quê kệch của ông Giuốc đanh.

D. Diễn tả cụ thể những động tác, cử chỉ nực cười của ông Giuốc đanh.

**Bài 2: Em hãy lựa chọn 1 đáp án đúng nhất để trả lời những câu hỏi sau:**

**Câu 1:** Đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” nằm trong tác phẩm nào?

A. Trưởng giả học làm sang

B. Người bệnh tưởng

C. Tôi và chúng ta

D. Lão hà tiện

**Chọn đáp án: A**

**Câu 2:** Thái độ của ông Giuốc-đanh trước việc “đến mất tong cả tiền” để thưởng cho các chú thợ phụ như thế nào ?

A. Khong hề tiếc rẻ mà sẵn sàng cho hết để học làm sang.

B. Có tiếc tiền nhưng vẫn sẵn sàng cho hết để được làm sang.

C. Không muốn mất tiền vì những việc đó.

D. Tức giận vì phải mất tiền thưởng cho những chú thợ phụ.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 3:** Trưởng giả học làm sang thuộc thể loại gì ?

A. Hài kịch      C. Bi hài kịch

B. Bi kịch      D. Cả A, B, C đều sai

**Chọn đáp án: A**

**Câu 4:** Vì sao ông Giuốc-đanh thưởng tiền cho các chú thợ phụ ?

A. Vì họ đã gọi ông ta là “ông lớn”, “cụ lớn”, “đức ông”.

B. Vì họ giúp ông ta mặc bộ lễ phục theo đúng thể thức quí phái.

C. Vì họ đã khen nức nở bộ lễ phục của ông Giuốc-đanh.

D. Vì họ đã hầu hạ ông ta rất chu đáo.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 5:** Sự hài lòng, mãn nguyện của ông Giuốc-đanh khi mặc bộ lễ phục thể hiện ở câu nói nào ?

A. ồ! Thế thì bộ áo này may được đấy.

B. ấy đấy, ăn mặc theo lối quí phái thì thế đấy! Còn cứ bo bo giữ kiểu áo quần trưởng giả thì đời nào được coi là “ông lớn”.

C. Tôi đã bảo không mà. Bác may thế này được rồi.

D. Thưa, đây là bộ lễ phục đẹp nhất triều đình và may vừa mắt nhất.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 6:** Từ nào có thể thay thế từ “chững chạc” trong câu “Bộ tóc giả và lông đính mũ có được chững chạc không?” ?

A. sang trọng      C. đẹp đẽ

B. ngay ngắn      D. đường hoàng

**Chọn đáp án: D**

**Câu 7:** Vì sao ông Giuốc-đanh cho rằng các chú thợ phụ gọi mình là “đức ông là vừa phải” ?

A. Vì ông đã mãn nguyện với những lời tung hô đó.

B. Vì ông sợ mất tong cả tiền để thưởng cho các chú thợ phụ.

C. Vì ông không thích được tâng bốc, nịnh hót.

D. Vì ông thấy đó là những lời giả dối.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 8:** Qua thái độ của ông Giuốc đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông ta là người như thế nào ?

A. Cầu kì trong vấn đề ăn mặc.

B. Dốt nát, kém hiểu biết.

C. Thích những cái lạ mắt.

D. Hài hước và hóm hỉnh.

**Chọn đáp án: B**

**Câu 9:** Bác phó may đã làm gì để lợi dụng tính cách học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh ?

A. Giải thích cho ông Giuốc-đanh biết rằng việc may áo ngược hoa là phù hợp với kiểu cách của người quí phái.

B. May thêm một chiếc áo cho riêng mình bằng chính tấm vải ông Giuốc-đanh đặt để may bộ lễ phục.

C. Đem theo những người thợ phụ giúp ông Giuốc đanh mặc theo cách thức của những người quí phái để moi tiền của ông ta.

D. Gồm cả A, B và C.

**Chọn đáp án: D**

**Câu 10:** Mục đích của nhà văn khi khắc hoạ các động tác “ cởi áo, mặc áo, chân bước, miệng nói” cả ông Giuốc-đanh đều diễn ra theo nhịp của điệu nhạc ?

A. Khắc hoạ sinh động hơn thói học đòi làm sang của ông Giuốc-đanh và tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả.

B. Tạo không khí vui nhộn, sinh động cho cảnh mới nhằm thu hút sự chú ý của khán giả.

C. Chế giễu sự kém hiểu biết và quê kệch của ông Giuốc đanh.

D. Diễn tả cụ thể những động tác, cử chỉ nực cười của ông Giuốc đanh.

**Chọn đáp án: A**

**Câu 11:** Cảnh hai gồm có mấy nhân vật ?

A. 6 nhân vật      C. 8 nhân vật

B. 7 nhân vật      D. 9 nhân vật

**Chọn đáp án: B**

**Câu 12.** Đâu là vở kịch đầu ta của Mô-li-e??

A. Gàn dở

B. Bệnh giả tưởng

C. Trưởng giả học làm sang

D. Hồ thiên nga

**Chọn đáp án: B**

**PHIẾU BÀI TẬP ĐỌC HIỂU**

**Câu 1**: Kẻ bảng sau vào vở, tóm tắt các hành động làm nảy sinh xung đột và giải quyết xung đột qua các lời thoại giữa ông Giuốc-đanh với bác phó may trong văn bản:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may** |
| *Các hành động làm nảy sinh xung đột* | – Phó may:  – Ông Giuốc-đanh: |
| *Các hành động giải quyết xung đột* | – Phó may:  – Ông Giuốc-đanh: |

**Lời giải:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hành động và xung đột** | **Giữa ông Giuốc-đanh và Phó may** |
| *Các hành động làm nảy sinh xung đột* | – Phó may: May bộ trang phục và phụ kiện bất bình thường cho Giuốc- đanh  – Ông Giuốc-đanh: Thắc mắc với bác phó may về bộ đồ, phụ kiện ngược đời |
| *Các hành động giải quyết xung đột* | – Phó may: Đánh vào tâm lý người thích ăn diện, muốn làm sang để tỏ vẻ người quý phái nhưng mê muội, ngu dốt, quê kệch, học đòi làm sang của Giuốc-đanh  – Ông Giuốc-đanh: Nghe lời nịnh nọt của bác phó may thấy xuôi tai, chấp nhận mặc vận những đồ không thoải mái lên người vì nghĩ nó là quý tộc. |

**Câu 2:** Theo em, vì sao hành động của các nhân vật và cách giải quyết xung đột trong màn kịch lại làm bật lên tiếng cười?

**Lời giải:**

Hành động của các nhân vật và các giải quyết xung đột trong màn kịch lại làm bật lên tiếng cười bởi yếu tố này đã tạo ra nghệ thuật trào phúng, tiếng cười, tiếng cười đến từ sự lố bịch, ngược đời, khập khiễng.

**Câu 3:** Cho biết:

a. Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: … “Ông Giuốc-đanh (nhìn áo của bác phó may)…”; “Ông Giuốc-đanh… (nói riêng)…” là lời của ai và có vai trò thế nào trong văn bản kịch?

b. Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

**Lời giải:**

a. Những cụm từ in nghiêng đặt trong ngoặc đơn như: … “Ông Giuốc-đanh (nhìn áo của bác phó may)…”; “Ông Giuốc-đanh… (nói riêng)…” là lời của tác giả biên kịch

Vai trò: hướng dẫn, gợi ý về cách bài trí, xử lý âm thanh, ánh sáng, việc vào-ra sân khấu của diễn viên thủ vai nhân vật cùng trang phục, hành động cử chỉ.

b. Nếu thiếu đi các đoạn văn in nghiêng ở giữa và cuối văn bản thì việc phát triển xung đột kịch, thể hiện tính cách của nhân vật ông Giuốc-đanh và tạo tiếng cười trong màn kịch sẽ làm mất đi nội dung chủ đề của vở kịch, nhân vật sẽ lúng túng vì không có sự chỉ dẫn về điệu bộ, cử chỉ trang phục…

**Câu 4:** Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột nào trong các dạng xung đột dưới đây:

a. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái cao cả”.

b. Xung đột giữa “cái cao cả” với “cái thấp kém”.

c. Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”.

Dựa vào đâu để khẳng định như vậy?

**Lời giải:**

Màn kịch Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục khai thác dạng xung đột: Xung đột giữa “cái thấp kém” với “cái thấp kém”

Vì cả hai hạng người trong màn kịch đều cho thấy sự lố bịch, kém hiểu biết, không có chính kiến riêng.

**Câu 5:** Xác định chủ đề của văn bản. Phân tích một trong những thủ pháp nghệ thuật mà em cho là có hiệu quả rõ rệt trong việc thể hiện chủ đề.

**Lời giải:**

Chủ đề của văn bản: Văn bản khắc họa tính cách lố lăng của một tên trưởng giả đã dốt nát còn đòi học làm sang, tạo nên tiếng cười cho đọc giả

Nghệ thuật: Sử dụng lời thoại sinh động, chân thực và phù hợp, nghệ thuật tăng cấp khiến cho lớp kịch càng ngày càng hấp dẫn, tính cách nhân vật được khắc họa thành công, rõ nét

**Câu 6:** Một số bạn cho rằng nên dùng Trưởng giả học làm sang làm nhan đề cho văn bản trên; một số khác lại cho rằng nhan đề Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục mới sát hợp với nội dung của văn bản. Em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?

**Lời giải:** Em đồng tình với quan điểm nhan đề “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục” trước hết chúng ta cần phải tôn trọng người viết, nhan đề này sẽ hướng đến nội dung chính của văn bản, gây sự tò mò, xoay quanh nhân vật. Có sự liên kết giữa nội dung tác phẩm và nhan đề.

**PHIẾU TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU TRUYỆN CƯỜI**

## **Đọc truyện: Lợn cưới áo mới và trả lời những câu hỏi sau:**

Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc, rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.

Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe, tất tưởi chạy đến hỏi to:

- Bác có thấy con **lợn cưới** của tôi chạy qua đây không?

Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:

- Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!

**Câu hỏi trắc nghiệm**:

**Câu 1:** Truyện Lợn cưới, áo mới thuộc thể loại truyện dân gian nào?

A. Truyện ngụ ngôn.

B. Truyện thần thoại.

C. Truyện cổ tích.

D. Truyện cười.

**Câu 2:** Tính khoe khoang được hiểu là:

A. thích thể hiện bản thân

B. luôn tự cao, tự đại, coi ý kiến bản thân mình là đúng.

C. phô trương cho người ta thấy hay người ta nghe những gì mình có, cho mọi người biết mình có của.

D. luôn nói khoác, phóng đại sự việc.

**Câu 3:** Hai nhân vật chính trong truyện đều có điểm nào chung?

A. là những người giàu có.

B. là những người thích khoe khoang.

C. là những người giàu có nhưng bủn xỉn.

D. là những người nghèo khó nhưng ham làm giàu.

**Câu 4:** Yếu tố gây cười trong truyện “ Lợn cưới, áo mới" là:

A. Hai anh có tính khoe của gặp nhau.

B. Cả hai anh đều khoe được của.

C.Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của anh có áo mới

D. Lời nói, cử chỉ, điệu bộ của cả hai anh.

**Câu 5:** Đối tượng được đề cập đến trong truyện Lợn cưới, áo mới là gì?

A. Tính cách khoe khoang của hai người.

B. Con lợn cưới bị sổng chuồng.

C. Cái áo mới.

D. Con lợn cưới và cái áo mới.

**Câu 6:** Truyện Lợn cưới, áo mới phê phán điều gì?

A. Tính cách khoa trương, khoe của.

B. Những người thích chưng diện đồ mới.

C. Những người hỏi nhưng không trả lời cụ thể.

D. Thái độ thiếu khiếm nhã đối với người khác.

**Câu 7:** Ngụ ý của người hỏi trong truyện là gì?

A. Cho mọi người biết rằng mình bị mất một con lợn cưới.

B. Cho mọi người biết rằng mình có một con lợn cưới,

C. Cho mọi người biết rằng mình sắp cưới vợ.

D. Nhờ mọi người tìm giúp mình con lợn bị mất.

**Câu 8:** Truyện Lợn cưới, áo mới khuyên chúng ta điều gì?

A. Không nên có tính cách khoe khoang, biế mình thành kẻ lố bịch, hợm hĩnh

B. Không nên nói năng thô lỗ, nhất là với người lớn tuổi,

C. Cần thể hiện thái độ tôn trọng đối với người khác, nhất là trong lời nói và hành động.

D. Cần nhìn nhận đúng bản thân, không nên khoe khoang quá sự thật.

**Câu 9:** Mục đích của nhân vật trong truyện khi trả lời câu hỏi có thấy lợn không là gì?

A. Để cho người kia không hỏi nữa.

B. Để cho người kia xấu hổ vì đã khoe con lợn cưới,

C. Để cho người kia không tìm ra con lợn cưới.

D. Để cho mọi người biết rằng mình có cái áo mới.

**Câu 10:**Trong truyện, khi được hỏi có thấy con lợn cưới chạy qua đây hay không, người kia đã trả lời thế nào?

A. Không thấy con lợn cưới chạy qua.

B. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta chẳng thấy con lợn chạy nào chạy qua cả.

C. Từ lúc mặc chiếc áo cưới mới, anh ta thấy có một con lợn chạy qua.

D. Anh ta trả lời không rõ ràng.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| ĐẤP ÁN | D | C | B | D | A | A | C | A | D |

**Câu hỏi đọc hiểu:**

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của truyện trên.  
Câu 2: Em hãy nêu khái quát nội dung câu truyện trên bằng 1 đến 2 câu văn.

Câu 3: Thủ pháp gây cười trong truyện được thể hiện bằng biện pháp tu từ gì? Tác dụng?

Gợi ý:

* Tình huống truyện được xây dựng với nhiều biện pháp nói quá trong tiếng Việt, nó lố hơn rất nhiều so với cuộc sống của chúng ta.
* Nhằm nhấn mạnh vào vấn đề mà tác giả muốn người đọc hướng đến, đó là:
* Phê phán những kẻ thích khoe khoang.
* Trong câu truyện khi hai kẻ khoe khoang gặp nhau đã tạo nên một tình huống vô cùng lố bịch khiến cho người đọc phải bật cười. Tài năng và độ giàu có không cần phải khoe khoang mà chúng ta sẽ cảm nhận được qua cách nói chuyện của mỗi người. Ngược lại, nếu lúc nào cũng khoe khoang một cách lố bịch sẽ khiến cho bạn trở nên huênh hoang và rất khó coi trong mắt mọi người.

**Câu 4:**

Từ nội dung ý nghĩa của truyện Lợn cưới, áo mới, em rút ra được bài học gì

cho bản thân mình?

## **Bài học rút ra từ truyện Lợn cưới áo mới**

## **Khoe khoang là một tính xấu cần phải loại bỏ.**

## Con người sống trên đời cần phải biết khiêm tốn, khi chúng ta đạt được một thành tựu bất kì nào đó cũng đừng ngủ quên trên chiến thắng. Hãy đặt mình ở một vị trí thấp để bạn luôn biết bản thân cần phải nỗ lực nhiều hơn nữa, một vài thành tích nhỏ trong cuộc sống sẽ chẳng là gì nếu bạn chỉ biết dựa vào đó để huênh hoang, không tiếp tục cố gắng. Thói quen xấu sẽ khiến cho bạn ngày một đi xuống, vậy nên hãy thay đổi thói quen huênh hoang và khoe khoang lại bạn mới có thể thành công và nhận được sự yêu mến từ mọi người.

## Khoe khoang của cải là một thói xấu đôi khi khiến người khoe tự đẩy mình vào tình thế lố bịch, bị người đời cười chê.

Câu 5: Từ nội dung của truyện phần đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tính khoe của.

GỢI Ý : *Khoe khoang của cải là một thói xấu đôi khi khiến người khoe tự đẩy mình vào tình thế lố bịch, bị người đời cười chê.* Những người khoe của thường là những kẻ hợm hĩnh, coi của cải là trên hết, có chút gì mới cũng khoe ra để chứng tỏ là mình hơn người. Truyện cười Lợn cưới, áo mới khiến ta thấm thía hơn ý nghĩa đó. Tình huống gây cười trong câu chuyện này thật giàu ý nghĩa. Truyện kể về anh chàng hay khoe của vừa may được chiếc áo mới, đứng hóng ở cửa đợi được người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều mà vẫn chẳng ăn thua, đang thất vọng thì có người chạy qua, thế là không bỏ lỡ dịp may - cũng chẳng cần biết người đó hỏi gì - liền vội khoe ngay: "Từ lúc tôi mặc chiếc áo mới này...". "Chiếc áo mới" ở đây là một thong tin thừa. Người hỏi đang cần biết thông tin về con lợn, chứ đâu cần biết chiếc áo anh đang mặc là mới hay cũ và anh mặc nó từ bao giờ! Anh đi tìm lợn khoe của trong tình huống nhà sắp có đám cưới mà lợn lại sổng mất. Lẽ ra trong câu hỏi của anh phải có những thông tin mà người được hỏi cần biết về con lợn (con lợn to hay nhỏ, màu lông ra sao, gầy béo thế nào...), anh lại hỏi về con lợn cưới. Thông tin này là thừa với người được hỏi (Ai cần biết con lợn ấy anh để làm gì?). Tình tiết gây cười bật ra ngay trong câu hỏi của anh đi tìm lợn. Mục đích của anh là hỏi để người ta giúp anh tìm con lợn. Thay vì cung cấp những thông tin cần thiết về con lợn, anh lại nhằm vào một mục đích khác: khoe nhà giàu, cỗ cưới to (Ngày xưa, đám cưới mà mổ cả một con lợn hẳn là to lắm). Anh được hỏi cũng chẳng vừa, lẽ ra chỉ cần thông báo điều mà người hỏi muốn biết (không nhìn thấy con lợn), anh lại cũng tranh thủ khoe luôn chiếc áo mới của mình. Như thế gọi là "kẻ cắp bà già gặp nhau". Anh khoe của lại gặp đúng cái anh cũng thích khoe của, mà anh kia khoe của còn tài hơn. Anh tìm lợn dù sao cũng chỉ cài thêm thông tin vào một cách khéo léo (con lợn ấy là con lợn cưới), từ đó khiến anh kia suy ra rằng nhà anh sắp có cỗ bàn to lắm. Anh khoe áo thì nói "huỵch toẹt": Từ lúc tôi mặc cái áo mới này... thông tin của anh hoàn toàn không liên quan gì đến vấn đề mà anh kia quan tâm (con lợn bị sổng chuồng). *Qua truyện Lợn cưới, áo mới, nhân dân ta phê phán tính hay khoe khoang của con người, nhất là khoe khoang về của cải. Tính khoe của biến con người thành những kẻ lố bịch, hợm hĩnh, trở thành đối tượng cho mọi người cười chê.*

* **HƯỚNG DẪN HS LÀM CÁC BÀI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGOÀI SGK**

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN BẢN 1** | **LÃO HÀ TIỆN ( M0 – LI - E)** |
| **VĂN BẢN 2,3** | **HAI KIỀU ÁO, CƯỠI NGỖNG MÀ VỀ (TRUYỆN CƯỜI)** |

**ĐỀ 1**

**Đọc trích đoạn vở hài kịch Lão hà tiện (Mô-li-e) và trả lời các câu hỏi:**

**HỒI III LỚP I**

ÁC-PA-GÔNG, CỜ-LÊ-ĂNG, Ê-LI-DƠ, VA-LE-RƠ, BÀ CỜ-LỐT, BÁC GIẮC, BỜ-RANH-ĐA-VOAN, LA MÉC-LUY-SƠ

**Ác-pa-gông:** – Nào, lại cả đây để tôi phân lệnh chốc nữa làm và cắt việc cho mỗi người. Lại gần đây, bà Cờ-lốt. Bắt đầu là bà nhé. (Bà Cờ-lốt cầm cái chổi.) Được, bà sẵn khí giới cầm tay rồi. Tôi trao cho bà nhiệm vụ lau chùi mọi nơi, và nhất là cẩn thận đừng có các đồ gỗ mạnh quá, sợ mòn mất. Ngoài việc ấy, tôi uỷ cho bà, lúc bữa ăn tối, quân giám chai lọ; nếu để thất lạc cái nào và đánh vỡ cái gì, tôi sẽ bắt đến bà rồi trở vào tiến công.

**Bác Giắc:** (nói riêng) – Hình phạt thiết thực gớm!

**Ác-pa-gông:** (vẫn nói với bà Cờ-lốt) – Thôi đi. Đến anh Bờ-ranh-đa-voan và anh La Méc-luy-sơ, tôi cắt cho các anh chức vụ lau rửa cốc và rót rượu, nhưng chỉ khi nào mọi người khát, chứ không phải theo thói của những thằng đầy tớ dỡ đần, như muốn khiêu khích người ta, nhắc nhở người ta phải uống khi người ta không nghĩ đến chuyện uống. Hãy chờ khi người ta hò đôi ba lần đã, và nhớ là phải mang thêm thật nhiều nước lã.

**Bác Giắc:** (nói riêng) – Vâng, rượu nguyên không pha, bốc lên đầu.

**La Méc-luy-sơ:** – Thế chúng tôi có phải cởi áo ngoài không, thưa ông?

**Ác-pa-gông:** – Có, nhưng khi nào thấy khách đến đã; và giữ gìn kĩ chớ làm hỏng y ***phục.***

**Bờ-ranh-đa-voan**: – Thưa ông, ông đã biết rõ, vạt trước áo vét dài của tôi bị một vết dầu đèn to tướng.

**La Méc-luy-sơ:** – Còn tôi, thưa ông, quần của tôi thì thủng đít và, nói lỗi phép, người ta nhìn thấy...

**Ác-pa-gông:** (nói với La Méc-luy-sơ) – Im! Liệu khéo quay cái đó vào phía tường và lúc nào cũng quay đằng trước ra phía khách là được. (Ác-pa-gông đặt chiếc mũ trước áo của mình để chỉ cho Bờ-ranh-đa-voan phải làm thế nào để che vết dầu.) Còn anh, khi hầu bàn, luôn luôn cầm mũ thế này này. Còn cô con gái của tôi, con phải để mắt đến mọi thứ khi dọn bàn và cẩn thận đừng để hư hại gì. Việc ấy, đúng là việc đàn bà con gái. Nhưng con phải chuẩn bị đón tiếp cô người yêu của cha cho tử tế; cô ấy sẽ đến thăm con và cùng đi với con ra chợ phiên. Con nghe thấy cha nói gì chưa?

**Ê-li-dơ:** – Có, thưa cha.

**Ác-pa-gông:** – Vâng, cô ngốc ạ. Còn anh, cậu ấm của tôi, cha đã rộng lòng tha thứ câu chuyện lúc nãy, đừng có mà mặt sưng mày sỉa với cô ta.

**Cờ-lê-ăng:** – Con, thưa cha, con mà mặt sưng mày sỉa? Và về lí do gì kia ạ?

**Ác-pa-gông**: – Trời ơi! Chúng tao hiểu cách đối xử của con cái, khi bố muốn tục huyền, và chúng nó thường nhìn cái người gọi là mẹ kế ấy bằng con mắt thế nào rồi. Nhưng nếu mày muốn tạo quên đi cái việc hoang tàng của mày vừa rồi, thì tao dặn mày trước hết là phải niềm nở mà đon đả với người ta, và cố gắng đón tiếp thế nào cho tốt đẹp nhất!

**Cờ-lê-ăng**: - Thưa cha, nói thật với cha, con không thể hứa với cha là con vui sướng có cô ấy làm mẹ kế. Con sẽ nói dối, nếu con bảo cha như vậy. Nhưng về việc đón tiếp tử tế và có bộ mặt niềm nở, thì con xin hứa là, về mục này, con tuân theo lời cho

không sai một li.

**Ác-pa-gông:** – Ít nhất cứ phải chú ý.

**Cờ-lê-ăng:** – Rồi cha xem, cha sẽ không có điều gì phải phàn nàn cả.

**Ác-pa-gông:** – Con thế là khôn ngoan. Va-le-rơ ơi, giúp tôi việc này. Ô này, bác Giác lại gần đây. Tôi để bác lại người cuối cùng đấy.

**Bác Giắc:** – Nhưng, thưa ông, ông muốn nói với anh đánh xe hay anh đầu bếp, bởi vì tôi vừa là anh này vừa là anh kia.

**Ác-pa-gông:**– Với cả hai.

**Bắc Giắc:** – Nhưng, trong hai người, ông nói với ai trước? Ác-pa-gông: – Với đầu bếp.

**Bắc Giắc:**– Vậy ông làm ơn chờ cho.

(Bác bỏ mũ đánh xe và xuất hiện với bộ áo đầu bếp.)

**Ác-pa-gông:** – Nghi thức quỷ quái gì thế?

**Bác Giắc: – Ông cứ nói.**

**Ác-pa-gông:** – Bác Giắc, chả là tôi đã định thết cơm khách tối nay.

**Bác Giắc: (**nói riêng) – Một kì quan vĩ đại!

**Bác Giắc:** – Được, nếu ông cho nhiều tiền.

**Ác-pa-gông:** – Bác cho biết, liệu có cho chúng ta ăn ngon được không?

**Ác-pa-gông:** – Quỷ thật! Lúc nào cũng tiền! Hình như chúng nó không có gì khác mà nói: “Tiền, tiền, tiền”. À! Chúng nó chỉ có tiếng “tiền” nơi cửa miệng. Lúc nào cũng nói tiền. Tiền, đó là gươm gối đầu giường” của chúng nó.

**Va-le-rơ:** – Tôi chưa từng thấy câu trả lời nào láo lếu như vậy. Thật là kì diệu khi ăn ngon mà cần nhiều tiền! Đó là một việc dễ nhất trên đời; chẳng có ai ngu tối đến đâu mà không làm được như vậy; nhưng để hành động ra con người thông minh và khéo léo, phải nói là làm được cơm ngon với ít tiền thôi.

**Bác Giắc:**– Ăn ngon với ít tiền thôi?

**Va-le-rơ:** – Đúng.

**Bác Giắc:** (nói với Va-le-rơ) – Theo tôi, thưa ông quản gia, ông làm ơn cho chúng tôi ông cũng tài giỏi cả. biết cái bí mật ấy và nhận lấy cái chức đầu bếp của tôi; như vậy, ở cái nhà này, việc gì ông cũng tài giỏi cả.

**Ác-pa-gông:** – Thôi im. Bác cần những gì nào?

**Bác Giắc:** – Đấy, có ông quản gia, ông ấy làm cơm ngon cho ông mà mất ít tiền.

**Ác-pa-gông:** – Chao chao! Tôi muốn bác trả lời tôi.

**Bác Giắc:** – Các ông có bao nhiêu người ăn?

**Ác-pa-gông:** – Chúng tôi tám hoặc mười người; nhưng chỉ tính tám người. Khi đủ cho tám người ăn thì cũng rất đủ cho mười người.

**Va-le-rơ:** – Đúng thế.

Bác Giắc: – Vậy thì phải bốn bát nấu rõ đầy và năm đĩa xào đầu vị. Món nấu: nước dùng tôm he, chim đa đa hâm bắp cải xanh, rau nấu thượng thang, vịt nấu củ cải. Đầu vị: thịt gà xé, bồ câu ra giàng nhồi thịt, ức bê non, dồi lợn và nấm xào.

**Ác-pa-gông:** – Quái quỷ! Thế để thết cả một thành phố à?

**Bác Giắc:** – Thịt quay đầy một xanh thật to, xếp cao thành hình kim tự tháp, nửa con bê thả béo bên sông, ba chim trĩ, ba gà mái tơ béo, mười hai chim câu nuôi chuồng, mười hai gà giò,

**Ác-pa-gông:** (lấy tay bịt miệng bác Giắc) – À! Thằng phản chủ! Mày ăn hết của của tao.

**Bác Giắc:** **– Món đầu vị...**

**Ác-pa-gông:** (lại lấy tay bịt miệng bác Giắc) – Nữa kia à?

(Mô-li-e, Lão hà tiện, Đỗ Đức Hiểu dịch, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 74 – 79)

[**Câu 1:**Qua đoạn trích, em nhận thấy nhân vật Ác-pa-gông là người có tính cách như thế nào?](https://vietjack.me/qua-doan-trich-em-nhan-thay-nhan-vat-ac-pa-gong-la-nguoi-co-tinh-cach-159267.html)

**Trả lời:**

Đây là đoạn ông Ác-pa-gông chuẩn bị bữa tiệc để mời cô Ma-ri-an, người mà ông muốn lấy làm vợ. Qua đoạn trích, chắc hẳn em đã nhận ra ông là người hà tiện, keo kiệt. Nhan đề vở kịch cũng đã xác định cho người xem tính cách nổi bật của ông Ác-pa-gông. Nét tính cách này được thể hiện ở tất cả các hồi của vở kịch. Với đoạn trích này, em hãy liệt kê các chi tiết cho thấy những biểu hiện cụ thể của nét tính cách đó. Ví dụ như: dặn bà Cờ-lốt không cọ đồ gỗ mạnh quá vì sợ mòn và nếu để vỡ, mất đám chai lọ sẽ trừ tiền công; chỉ cho gia nhân pha rượu với nước lã; yêu cầu anh La Méc-luy-sơ có cái quần thủng đít hãy quay chỗ thủng vào tường;...

[**Câu 2:**Nhận xét lời độc thoại của nhân vật bác Giác khi nghe ông Ác-pa-gông cắt đặt công việc.](https://vietjack.me/nhan-xet-loi-doc-thoai-cua-nhan-vat-bac-giac-khi-nghe-ong-ac-pa-gong-c-159268.html)

**Trả lời:**

Khi nghe ông Ac-pa-gông cắt đặt công việc cho đám gia nhân, bác Giác luôn có những phản ứng đối nghịch. Tuy nhiên, những phản ứng đó không bộc lộ cho ông Ác-pa-gông thấy mà biểu hiện bằng một số câu độc thoại (nói riêng). Những câu độc thoại này bộc lộ sự mỉa mai của bác Giắc với những ý kiến của chủ. Đây là cách tác giả để nhân vật phụ đánh giá về nhân vật chính, đồng thời cũng là sự thể hiện chuẩn mực thông thường khi nhìn những hành động đáng cười của lão hà tiện Ác-pa-gông.

[**Câu 3:** Tại sao ông Ác-pa-gông bực tức khi thấy bác Giác nhạc đến tiền?](https://vietjack.me/tai-sao-ong-ac-pa-gong-buc-tuc-khi-thay-bac-giac-nhac-den-tien-159269.html)

**Trả lời:**

Ông Ác-pa-gông là người rất yêu tiền, tiền đối với ông có ý nghĩa hơn tất thảy. Khi bác Giắc nhắc đến tiền, ông thấy bực tức, thậm chí lên án những người mà theo ông lúc nào tiếng "tiền" cũng gắn vào "nơi cửa miệng". Điều này không chứng tỏ ông ghét những kẻ tôn thờ đồng tiền như ông mà ông ghét những người bắt ông phải đụng đến những đồng tiền của ông.

[**Câu 4:**Nhận xét những món ăn mà bác Giác dự định nấu cho bữa tiệc. Thái độ của ông Ác-pa-gông khi nghe bác Giác nói về những món ăn đó như thế nào?](https://vietjack.me/nhan-xet-nhung-mon-an-ma-bac-giac-du-dinh-nau-cho-bua-tiec-thai-do-cua-159270.html)

**Trả lời:**

Những món ăn bác Giắc nói đến đều là những món sơn hào hải vị, đắt tiền. Số món ăn và lượng thức ăn từng món cũng quá nhiều so với số lượng 8 – 10 người ăn. Ông Ác-pa-gông đã rất phẫn nộ khi nghe bác dự tính. Sự phẫn nộ ngày càng tăng: ban đầu chỉ đặt câu hỏi, sau đó lấy tay bịt miệng bác Giắc mấy lần, chửi rủa bác là "thằng phản chủ",...

[**Câu 5:**Đoạn trích thể hiện mâu thuẫn gì giữa chủ nhà và gia nhân?](https://vietjack.me/doan-trich-the-hien-mau-thuan-gi-giua-chu-nha-va-gia-nhan-159271.html)

**Trả lời:**

Trong số những người giúp việc nhà Ác-pa-gông, bác Giắc là đại diện bộc lộ mâu thuẫn giữa chủ nhà và gia nhân. Ban đầu là sự phản ứng của bác đối với cách cắt đặt công việc của chủ, sau đó là sự khiêu khích của bác đối với tính hà tiện của ông Ác-pa-gông. Bác càng cố tình chọc tức ông chủ, chúng ta càng thấy tính keo kiệt của nhân vật chính được tô đậm. Những người hầu trong nhà ông Ác-pa-gông không được chủ quan tâm và trả công thoả đáng, người thì áo cũ đã có vết dầu mà không được may áo mới, người thì mặc quần thủng đít, người thì phải làm cả hai công việc đầu bếp và đánh xe, lại còn bắt nấu ăn ngon với một số tiền ít ỏi.

[**Câu 6:**Chỉ ra thủ pháp trào phúng được dùng trong đoạn trích.](https://vietjack.me/chi-ra-thu-phap-trao-phung-duoc-dung-trong-doan-trich-159272.html)

**Trả lời:**

Những thủ pháp trào phúng được dùng trong đoạn trích: cường điệu, tạo đối nghịch, thoại bỏ lửng

[**Câu 7:**Liệt kê các câu hỏi tu từ trong đoạn trích trên và chỉ ra dấu hiệu giúp em nhận biết đó là những câu hỏi tu từ.](https://vietjack.me/liet-ke-cac-cau-hoi-tu-tu-trong-doan-trich-tren-va-chi-ra-dau-hieu-giu-159273.html)

**Trả lời:**

Cần chỉ ra những câu có hình thức của câu hỏi nhưng nằm mục đích khác. Ví dự: “Con, thưa cha, con mà mặt sưng mày sỉa?". Câu này về hình thức là câu hỏi nhưng mục đích là phủ định ý kiến của ông Ác-pa-gông: “con không mặt sưng mày sỉa

**ĐỀ 2**

Đọc truyện cười sau và trả lời các câu hỏi:

**CƯỠI NGỖNG MÀ VỀ**

Nhà nọ giàu nhưng tính lại kiệt. Gà vịt đầy vườn mà khách đến chơi vẫn cứ cơm rau luộc với mấy quả cà. Đã thế lại còn chép miệng phàn nàn với khách:

- Chẳng mấy khi bác đến chơi mà trong nhà lại không đào đâu ra một thức gì để thết bác cho tử tế, tôi lấy làm áy náy quá.

Khách ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo:

– Âu là tôi có con ngựa đấy, bác cứ bắt mà làm thịt, anh em ta cùng đánh chén cho vui.

Chủ hỏi:

– Thế nhưng đường xa bác về bằng cách gì cho tiện?

Khách vui vẻ chỉ vào đàn ngỗng mà đáp:

– Có khó gì việc ấy. Có đàn ngỗng của bác kia, cứ xem con nào lớn, bác cho tôi mượn một con, tôi sẽ cưỡi ngỗng mà về.

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam, Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thưởng biên soạn, sưu tầm, chọn tuyển, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 56 – 57)

[**Câu 1:**Tìm chi tiết thể hiện gia cảnh chủ nhà.](https://vietjack.me/tim-chi-tiet-the-hien-gia-canh-chu-nha-159274.html)

**Trả lời:**

Chi tiết thể hiện gia cảnh chủ nhà: “gà vịt đầy vườn”. Chi tiết này chứng tỏ gia đình chủ nhà khá sung túc. Câu đầu tiên của truyện cũng đã giới thiệu gia chủ là người giàu có.

[**Câu 2:**Trong tình huống truyện, chủ nhà tiếp đãi khách như thế nào? Sự tiếp đãi đó thể hiện tính cách gì của chủ nhà](https://vietjack.me/trong-tinh-huong-truyen-chu-nha-tiep-dai-khach-nhu-the-nao-su-tiep-dai-159275.html)?

**Trả lời:**

Trong tình huống truyện, mặc dù gia cảnh chủ nhà khá sung túc, nhưng chi tiếp đãi khách những món ăn đạm bạc như rau luộc, cà muối. Thường thì đây là những món ăn của nhà nghèo khó, trong những bữa cơm hàng ngày. Sự tiếp đãi này thể hiện sự keo kiệt của chủ nhà.

[**Câu 3:**Em hãy đoán mức độ mối quan hệ của chủ và khách trong truyện, từ đó giải thích tại sao chủ nhà trở thành đối tượng bị chế giễu.](https://vietjack.me/em-hay-doan-muc-do-moi-quan-he-cua-chu-va-khach-trong-truyen-tu-do-gia-159276.html)

**Trả lời:**

Quan hệ chủ – khách trong truyện có lẽ cũng thân thiết, chắc quen biết đã lâu, khách từ xa lặn lội tới thăm chủ nhà (phải đi bằng ngựa). Thông thường, khi có khách, nhất là khách đường xa tới, chủ nhà sẽ khoản đãi những món ăn ngon và bổ để biểu lộ mối thân tình, sự hiếu khách của mình. Nhưng ở truyện này, chủ chỉ mời khách món rau luộc, cà muối, đã thế lại còn giả nghèo giả khổ “không đào đâu ra một thức gì để thết bác” và tỏ ra áy náy. Điều này cho thấy chủ nhà không chỉ keo kiệt mà còn muốn che đậy sự keo kiệt của giễu trong truyện. mình, không thịnh tình với khách. Do đó, chủ nhà trở thành đối tượng bị chế

[**Câu 4:**Nêu nghịch lí trong lời nói của khách với chủ nhà, từ đó chỉ ra nghĩa hàm ẩn trong lời nói đó.](https://vietjack.me/neu-nghich-li-trong-loi-noi-cua-khach-voi-chu-nha-tu-do-chi-ra-nghia-h-159277.html)

**Trả lời:**

Nghịch lí trong lời nói của khách với chủ nhà: “cưỡi ngỗng mà về”. Ngỗng là một loài gia cầm nuôi lấy thịt, không phải con vật có thể làm phương tiện đi khách chứ không phải không có thức gì trong nhà. lại. Cách nói của khách có nghĩa hàm ẩn rằng chủ nhà có thể thịt ngỗng đãi

**ĐỀ 3**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai kiểu áo***

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dan, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải mau ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bão:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

(Theo Trường Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật nào?

Câu 3. Trong câu chuyện, người thợ may hỏi quan lớn điều gì?

Câu 4. Theo anh/chị chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

Câu 5. Câu chuyện phê phán thói xấu nào của con người?

Câu 6. Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với anh/chị rút ra từ văn bản trên.

**Trả lời:**

Câu 1: PTBĐ chính: Tự sự

Câu 2: Trong câu chuyện, hoạt động giao tiếp diễn ra giữa các nhân vật: người thợ may và quan lớn.

Câu 3: Trong câu chuyện, người thợ may hỏi quan lớn rằng may chiếc áo cho ai.

Câu 4: chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên.

Câu 5. Câu chuyện phê phán thói xấu đối xử không công bằng với mọi người, có thái độ phân chia theo cấp bậc, sự khinh bỉ những người nghèo khổ.

Câu 6: bài học ý nghĩa nhất: Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân. Là một người chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử.

**ĐỀ 4:**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai kiểu áo***

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dan, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải mau ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bão:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

(Theo Trường Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

Câu 1: Nhân vật trong câu chuyện trên là ai? Họ đối thoại với nhau về vấn đề gì?

Câu 2: Vị quan là người thế nào?

Câu 3: Tiếng cười trong câu chuyện được bộc phát thế nào?

Câu 4: Qua câu chuyện, anh/chị hiểu thêm điều gì về con người trong xã hội bấy giờ?

**Trả lời:**

Câu 1:

- Nhân vật trong câu chuyện trên: viên quan và người thợ may.

- Nội dung cuộc đối thoại: về vấn đề viên quan muốn may một cái áo thật sang để tiếp khách.

Câu 2:

- Thái độ của người nhà giàu: khinh bỉ, coi thường, xua đuổi người ăn xin và cho rằng họ chỉ thuộc về nơi địa ngục.

- Vị quan là người luồn cúi, xu nịnh quan trên và hách dịch với dân đen.

Câu 3:

Tiếng cười không được bộc phát khi độc giả đọc xong câu chuyện mà nó được bộc phát khi chúng ta suy ngẫm về nội dung sâu cay của câu chuyện đó.

Câu 4:

Những điều nhận ra về con người trong xã hội bấy giờ qua câu chuyện: một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình và thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ.

**ĐỀ 5**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

***Hai kiểu áo***

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dan, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải mau ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bão:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

(Theo Trường Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

1. Câu nào trong những lời đối đáp trên đây chứa hàm ý?

2. Nội dung hàm ý ấy là gì?

3. Người nghe có giải đoán được hàm ý trong câu nói đó không? Chi tiết nào xác nhận điều này?

**Trả lời:**

1. Câu chứa hàm ý: Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải mau ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

2. Hàm ý của câu: Ngài phải cúi đầu thấp (luồn cúi) trước quan trên, ngài vênh mặt lên (hách dịch) với dân đen.

3. Người nghe (ông quan lớn) hiểu dược hàm ý đó, điều này có thể nhận ra ở câu:

"Quan ngầm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu."

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**CHỦ ĐỀ 5: BÀI 5**

**Tiết 66, 77**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:CÂU HỎI TU TỪ, NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ NGHĨA HÀM ẨN CỦA CÂU**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được câu hỏi tu từ và chỉ ra được tác dụng của chúng.

- Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn.

- Viết được đoạn văn theo cấu trúc nhất định.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**CHỦ ĐỀ 5: BÀI 5**

**Tiết 68, 69, 70**

**ÔN TẬP VIẾT: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG ( THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI)**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc suy ngẫm và chuẩn bị bài ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nắm vững quy trình viết bài vănnghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)

- Viết được đoạn văn, bài văn theo đúng yêu cầu kiểu bài.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ KIỂU BÀI**

* **Mục tiêu:** - HS nhận biết được yêu cầu của bài văn nghị luận xã hội bàn về một thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại.
* HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Hoạt động 1:** * **Mục tiêu:** HS cần nắm vững được các yêu cầu của kiểu bài nghị luận xã hội bàn về thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại. * **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   **- GV phát vấn câu hỏi:**  *+* *Bài nghị luận xã hội bàn về thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại* *cần đảm bảo yêu cầu gì?*  *+ Dàn ý khái quát?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS trình bày nội dung từng phần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI PHÊ PHÁN MỘT THÓI HƯ TẬT XẤU CỦA CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI.**  - Nêu được vấn đề nghị luận.  - Làm rõ vấn đề nghị luận (giải thích vấn đề đời sống được bàn luận).  - Trình bày được ý kiến phê phán của người viết, nêu rõ lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  - Đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết.  **DÀN Ý KHÁI QUÁT**  - Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).  - Thân bài:  + Làm rõ vấn đề nghị luận.  + Trình bày ý kiến phê phán, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.  + Nêu ý kiến không đồng tình (giả định) với ý kiến của người viết và tranh luận với ý kiến đó.  - Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.   * Khi viết bài, em cần chú ý:   - Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ.  - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có).  - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Hoạt động 2:** * **Mục tiêu:** - HS nắm bắt được quy trình các bước làm bài.   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hoạt động cặp đôi**  Hoàn thành PHT xác định các bước làm bài văn NL (Chỉ ghi nội dung chính)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS ghi nhớ các bước làm bài.  HS ghi nhớ các bước làm bài.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục thực hành, luyện tập. | **II/ QUY TRÌNH CÁC BƯỚC LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN…**    **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  **b. Tìm ý**  **c. Lập dàn ý**  **2. Viết**  **3. Sau khi viết: Chỉnh sửa bài viết** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

* **Mục tiêu:** - HS vận dụng quy trình các bước làm bài.

-Thực hành luyện viết.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỌAT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Mục tiêu:**   - HS thực hành theo quy trình các bước làm bài.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** ghi đề bài lên bảng.  **HS** ghi đề bài vào vở.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các bước làm bài.  - GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  HS:  Tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS thực hiện theo các bước làm bài.  HS:  - thực hiện theo các bước làm bài.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.  GV lưu ý học sinh:   * Đối chiếu bài viết của em với yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại), chỉnh sửa những chỗ cần thiết sao cho:   - Vấn đề nghị luận được nêu một cách rõ ràng, được giải thích đầy đủ, toàn diện.  - Ý kiến phê phán được nêu một cách mạch lạc, chắc chắn, lí lẽ xác đáng và bằng chứng thuyết phục.  - Ý kiến phê phán được khẳng định trên cơ sở đối sánh với các quan điểm khác về vấn đề. | **III/ THỰC HÀNH LUYỆN VIẾT**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài:**  Thói hư tật xấu của con người trong xã hội hiện đại cần phê phán là thói hư tật xấu nào?  **b. Tìm ý:**  **1. Giải thích vấn đề nghị luận**  Vấn đề cần phê phán là vấn đề gì?  **2. Làm rõ vấn đề nghị luận**  Thói xấu đó có những biểu hiện cụ thể như thế nào?  Vì sao con người lại mắc phải thói hư tật xấu đó?  **3. Trình bày ý kiến phê phán**  Thói xấu đó mang đến nhiều hệ lụy, ảnh hưởng không tốt đến lối sống của mọi người ntn?  **4. Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học**  - Soi vào bản thân mình và những người xung quanh, tự điều chỉnh suy nghĩ và hành vi, không bị sa đà vào thói xấu đó.  **c. Lập dàn ý**  **2. Viết bài**  Khi viết bài, em cần chú ý:  - Lí lẽ cần sáng rõ, chặt chẽ.  - Các bằng chứng cần đa dạng, xác thực. Nêu cả những trải nghiệm của bản thân (nếu có).  - Khi phê phán cần sử dụng lời lẽ đúng mực. |

**Đề bài:** Em hãy quan sát 2 hình ảnh sau và cho biết 2 hình ảnh đó phản ánh thói hư tật xấu của con người trong xã hội? Hãy lựa chọn một trong 2 vấn đề và viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về thói hư tật xấu đó.



## GỢI Ý:

- Đề bài thuộc dạng đề mở, HS tự xác định lấy đề tài và phạm vi nội dung bàn bạc.

- Cụ thể ở đây là cần xác định: Thế nào là một thói hư tật xấu?

- Thói hư tật xấu mà HS thấy cần phê phán ở đây là gì?

- HS cần phân tích những biểu hiện cụ thể của thói hư tật xấu này và lí giải tại sao cần phê phán thói hư tật xấu đó bằng việc phân tích nguyên nhân hình thành và chỉ ra tác hại của nó đối với cuộc sống con người.

- Cuối cùng HS cần liên hệ với bản thân đế rút ra bài học về cách sống, cách ứng xử.

**DÀN Ý**

**A. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát vấn đề lười biếng trong xã hội hiện nay.

- Căn bệnh này thường xuất hiện ở lứa tuổi nào, có nguy hại gì?

**B. Thân bài**

* Giải thích.
* “Lười biếng”: Là ngại khó, ngại khổ, thích ăn không, ngồi rồi, không muốn làm việc kể cả đó là bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ, nhiệm vụ… đây gần như là 1 “căn bệnh“.
* Lười biếng là có thể được coi là thói hư tật xấu của rất nhiều người, không chịu hoạt động, không chịu suy nghĩ, nhanh bỏ cuộc và không có khả năng phấn đấu và cố gắng. Lười biếng tạo thành thói quen và thành "căn bệnh" nan y rất khó chữa. Chính vì thế mà đối với nhiều người thì lười biếng có tác hại rất lớn đối với công việc và trong quá trình hoàn thành nhân cách của cá nhân.
* Bình luận:
* Nguyên nhân của sự lười biếng:
* Do xã hội phát triển, vật chất kĩ thuật nâng cao, con người ngày càng ít phải “động tay động chân”.
* Do bản tính thích làm việc mình thích hơn làm việc mình phải làm (đặc biệt với lứa tuổi học trò).
* Do phụ thuộc vào những thứ có sẵn.
* Biểu hiện của sự lười biếng:
* Ngại khó, ngại khổ trước mỗi công việc cụ thể, có mơ ước nhưng không có hành động thực tiễn để hướng tới ước mơ của mình.
* Lười biếng trong công việc.: Công việc nhà; Công việc công ty, tổ chức…
* Lười biếng trong học tập: Không chịu tự học; Đến lớp quay bài, copy, lật “phao”, sử dụng tài liệu, khi làm bài kiểm tra...
* Tác hại của sự lười biếng:
* Gây ra vô vàn khó khăn trong đời sống.
* Không mang đến sự thành công trong công việc/cuộc sống. Từ đó sinh ra chán nản.
* Mắc các tính xấu khác bởi “nhàn cư vi bất thiện”.
* Gây ra các tệ nạn xã hội bởi tính ưa tiêu khiển, giết thời giờ.
* Nếu cả xã hội đều lười biếng, thì đất nước không thể phát triển.
* Bình luận phản đề:
* Nếu chúng ta chăm chỉ, chúng ta sẽ có được rất nhiều lợi ích.
* Tập cho mình thói quen tốt trong công việc/đời sống.
* Chăm chỉ mang lại cuộc sống sung túc, bởi “làm việc là con đường dẫn đến thành công.
* Không gây ra tệ nạn xã hội, tránh được các tật xấu do lười biếng mang lại.
* Nếu cả xã hội đều chăm chỉ, thì đất nước sẽ thịnh vượng, phát triển không ngừng.
* Bài học, nhận thức và hành động cho bản thân:
* Lười biếng có thể cũng chính là bản chất nhưng trong sổ một trường hợp thì nó không phải là bản chất, mà đó là do chính bản thân mình tạo nên.
* Khi lười biếng thì chắc chắn bản thân sẽ không chịu cố gắng, gặp khó là nản lòng ngay, không có quyết tâm để thực hiện công việc đến cùng. Gắn với căn bệnh lười biếng chính là sự thiếu kiên trì, thiếu kiên nhẫn, không có ý chí để cố gắng.
* Bài học: lười biếng không mang lại lợi ích cho chúng ta.
* Nhận thức: không nên lười biếng.
* Hành động của bản thân để tránh sự lười biếng:
* Tích cực rèn luyện các thói quen tốt.
* Lập thời gian biểu và cố gắng thực hiện tốt.
* Quyết tâm chăm chỉ.

**C. Kết bài**

- Khẳng định vấn đề lười biếng.

- Ví dụ kết bài: Bệnh lười biếng là một trong những căn bệnh nan y phải được chữa kịp thời, đừng để sự lười biếng của bản thân khiến cho tương lai của bạn rơi vào vũng bùn. Hãy tự biết cách hoàn thiện bản thân bằng cách trở thành con người chăm chỉ mỗi ngày, ước mơ sẽ nhanh chóng đến với bạn.

**CHỦ ĐỀ 5: BÀI 5**

**Tiết 71,72,73,74,75**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRIỂN KHAI PHÁT ĐỀ CHO HS LÀM BÀI.**

* **Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức và kĩ năng thực hành của HS sau khi học xong chủ đề 1**

**HOẠT ĐỘNG 2: HỌC SINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU KHI NHẬN ĐỀ.**

* **Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**HOẠT ĐỘNG 3: GV NGHIỆM THU SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH**

* **Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được kĩ năng làm bài tổng hợp của HS.

Chỉnh sửa, giúp đỡ HS sửa lỗi kịp thời.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * Tổ chức thực hiện:   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**.  + GV thu sản phẩm luyện tập tổng hợp của HS.  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS** nhận xét đánh giá bài của bạn, sửa lỗi của bản thân.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU KHI CHỮA (HOẶC CHẤM) ĐÃ SỬA LỖI.** |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi :*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ ?*

*Quan lớn ngạc nhiên :*

*- Nhà ngươi biết để làm gì ?*

*Người thợ may đáp :*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo :*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** |
| **I. Đọc hiểu** | 1 | A |
| 2 | B |
| 3 | C |
| 4 | C |
| 5 | C |
| 6 | D |
| 7 | D |
| 8 | A |
| 9 | Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. |
| 10 | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. |
| **II. Viết** |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |
| b. *Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Tình yêu thương trong cuộc sống. |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở bài**:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  **Thân bài**:  **+ Nêu quan niệm về tình yêu thương?**  – ***Tình yêu thương*** là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.  **+ Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)**  - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.  - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con.  - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em.  - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…  **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...  **+ Dẫn chứng về tình yêu thương**  - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.  - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.  - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...*  **\* Phản biện:**  Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  **\* Liên hệ bản thân**  - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn.  - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người.  - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.  - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...  **Kết bài**:  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

**CÂU CHUYỆN VỀ HAI HẠT LÚA**

Có hai hạt lúa nọ được giữ lại để làm hạt giống cho vụ sau vì cả hai đều là những hạt lúa tốt, đều to khoẻ và chắc mẩy.

Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó. Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi". Còn hạt lúa thứ hai thì ngày đêm mong được ông chủ mang gieo xuống đất. Nó thật sự sung sướng khi được bắt đầu một cuộc đời mới.

Thời gian trôi qua, hạt lúa thứ nhất bị héo khô nơi góc nhà bởi vì nó chẳng nhận được nước và ánh sáng. Lúc này chất dinh dưỡng chẳng giúp ích được gì - nó chết dần chết mòn.

Trong khi đó, hạt lúa thứ hai dù nát tan trong đất nhưng từ thân nó lại mọc lên cây lúa vàng óng, trĩu hạt. Nó lại mang đến cho đời những hạt lúa mới...

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 trang 12)

**Câu 1.** Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

A.Tự sự B.Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm

**Câu 2.** Câu chuyện trên có mấy nhân vật ?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 3**: Văn bản trên được kể theo ngôi kể nào?

A, Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và thứ ba

**Câu 4.** Cụm từ *“chết dần chết mòn”* trong câu là:

1. Thành ngữ B. Tục ngữ C. Ca dao D. Vè

**Câu 5.** Người kể chuyện có thái độ như thế nào với hạt lúa thứ nhất?

1. Đồng tình B. Băn khoăn C. Ngợi ca D. Phê phán

**Câu 6.** Trong câu chuyện trên, khi được ông chủ mang gieo xuống đất hạt lúa thứ hai có tâm trạng gì?

1. Buồn bã B. Lo lắng C. Sung sướng D. Đắn đo

**Câu7.**Xét về mục đích nói, câu văn*“Một hôm, người chủ định đem chúng gieo trên cánh đồng gần đó.”* thuộc kiểu câu gì?

1. Câu nghi vấn B. Câu cầu khiến C.Câu cảm thán D.Câu trần thuật

**Câu 8.** Ý nào dưới đây diễn đạt đúng nhất nghĩa của cụm từ “chết dần chết mòn” trong văn bản trên ?

A. Điêu đứng vì hoàn cảnh khó khăn

B. Héo hắt, tàn lụi dần không còn sức sống

C. Không còn sức sống vì lâm vào hoàn cảnh khó khăn

D. Buồn chán, bế tắc không có lối thoái

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích sau: Hạt thứ nhất nhủ thầm: "Dại gì ta phải theo ông chủ ra đồng. Ta không muốn cả thân mình phải nát tan trong đất. Tốt nhất ta hãy giữ lại tất cả chất dinh dưỡng mà ta đang có, ta sẽ cứ ở khuất trong kho lúa thôi"..

**Câu 10.** Bài học cuộc sống tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện trên là gì? Vì sao? (Trình bày bằng một đoạn văn từ 4-5 câu)

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:

**Chiều xuân ở thôn Trừng Mại**

*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*

*Mặc manh áo ngắn giục trâu cày*

*Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó*

*Bà lão chiều còn xới đậu đây*

*Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn*

*Khoai trong đám cỏ đã xanh cây*

*Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú*

*Dẫu chẳng “hành môn” đói cũng khuây.*

(Nguyễn Bảo)

**Câu 1.** Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Ngũ ngôn

C. Thất ngôn bát cú D. Song thất lục bát

**Câu 2.**Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?

A. Vần chân, vần liền B. Vần lưng, vần liền

C.Vân chân, vần cách D. Vần lưng, vần cách

**Câu 3.** Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?

A.Đề, thực, luận, kết B. Luận, kết, đề, thực

C. Đề, luận, kết, thực D. Thực, luận, đề, kết

**Câu 4.**Câu thơ sau sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*

A. Nhân hoá B. So sánh

C. Đảo ngữ D. Điệp ngữ

**Câu 5.** Theo em, việc sử dụng biện pháp nghệ thuật trong câu thơ “*Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay”*có tác dụng gì?

A. Gợi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng.

B. Gợi trạng thái mưa đầu xuân.

C.Gợi bức tranh lao động đầu xuân.

D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.

**Câu 6.** Em hiểu thế nào là *“thú điền viên”*?

A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.

B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.

C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.

D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.

**Câu 7.** Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?

A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất.

B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.

C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống, con người của tác giả.

D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.

**Câu 8.**Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?

A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.

B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.

C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.

D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.

**Câu 9.**Bức tranh quê hương trong bài thơ trên được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

**Câu 10.**Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết *(Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).*

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**Tam đại con gà**

*Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.*

*Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*

*Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dủ dỉ là con dù dì”. Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.*

*Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.*

*Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:*

*– Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…*

*Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:*

*– Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dủ dỉ” là con “dù dì”?*

*Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng*

*nhanh trí thầy vội nói gỡ:*

*– Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.*

*Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:*

*– Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?*

*– Thế này nhé! Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!*

( SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Tam đại con gà”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người cha đối với thầy đồ.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của thầy đồ xưa.

D. Phê phán thói dốt nát và sĩ diện hão của ông thầy đồ xưa.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“thổ công”*?

A. Vị thần trông coi về sự sống.

B. Vị thần trông coi việc bếp núc trong gia đình.

C. Vị thần trông coi nhà cửa, đất cát gia đình.

D. Vị thần se duyên đôi lứa.

**Câu 6 (0.5 điểm): Em có nhận xét gì về những điều ông thầy đã làm trong truyện “Tam đại con gà”?**

A. Đây là những hành động thể hiện sự khôn lỏi.

B. Đây là những hành động phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ.

C. Đây là những hành động thể hiện sự liều lĩnh của thầy đồ.

D. Đây là những hành động trái với tự nhiên, không thể có trong công việc dạy học của một người thầy đích thực.

# Câu 7 (0.5 điểm): Chi tiết thầy đồ bảo học trò đọc khẽ câu *“Dủ dỉ là con dù dì”* có ý nghĩa gì?

A. Có ý che giấu, không để người khác học lỏm.

B. Thể hiện sự ngụy biện, chống chế cho sai lầm của mình.

C. Thể hiện sự dốt nát, mê tín của thầy đồ.

D. Đây là biểu hiện cho sự thận trọng muốn che giấu cái dốt của mình.

**Câu 8 (0.5 điểm):** Thầy đồ trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Là một học trò dốt nhưng hay nói chữ, mê tín dị đoan.

B. Là một người học rộng, tài cao.

C. Là người yêu quý trẻ con.

D. Là người rất ham học hỏi.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**TRẦN ĐĂNG KHOA: TÁC GIẢ CỦA TUỔI THƠ TRONG TRẺO**

Được biết đến là cây bút nổi bật trong giới thi ca Việt Nam, Trần Đăng khoa là người có nét riêng xuất sắc trog số các nhà thơ đương đại trước năm 1975. Ông luôn có cái nhìn bao quát về cuộc sống, những chất liệu được dệt trong các tác phẩm hầu hết là sự quen thuộc xung quanh.

Suốt hơn năm mươi năm sáng tác, Trần Đăng Khoa đã cho ra đời hơn hia mươi tập thơ và trường ca như *Khúc hát người anh hùng, Bên cửa sổ may bay* hay *Chân dung và đối thoại,* chưa kể đến một số tập bút kí và tiểu luận phê bình. Tuy nhiên nổi trội nhất vẫn là *Góc sân và khoảng trời* hay.

Bằng những đặc sắc trong ngòi bút, Trần Đăng Khoa đã ghi dấu ấn trong lòng người đọc bao kí ức về miền tuổi thơ với chất thơ nhẹ nhàng, hồn nhiên mà đầy chân thật nhưng cũng không kém phần sâu sắc với nhiều tầng ý nghĩa.

Mười tuổi ông đã có những câu thơ vo cùng trong trẻo và xúc động chạm đến trái tim người đọc. Qua lăng kính của một cậu bé, hạt gạo hiện lên trong bức tranh đầy màu sắc cùng với giọt mồ hôi và nỗi khó nhọc của người nông dân. Không những thế, tác phẩm *Hạt gạo làng ta* còn chứa đựng cả hình ảnh tảo tần của những người phụ nữ hậu phương. Bao nhiêu hạt gạo là bấy nhiêu chân tình cùng nỗi nhớ nhung khắc khoải của quê hương dành cho tiền tuyến....[ *Hạt gạo làng ta*]

Quê hương và thiên nhiên luôn hiện hữu trong các tác phẩm của Trần Đăng Khoa như một hình tượng nghệ thuật giau sức gợi, được cảm nhận bằng tấm lòng cảu một người con đã gắn bó với mảnh đất mình sinh ra và lớn lên....[*Trăng ơi từ đâu đến?]*

Thơ của Trần Đăng Khoa không chỉ hồn nhiên, trong sáng mà còn du dương như một bản đồng giao với cách gieo chữ có hồn, có nhịp. Trong thơ của ông, nhạc điệu không chỉ là giai điệu của tâm hôn mà còn khả năng tạo hình, tạo nghĩa tinh tế. Thế giới âm thanh giàu tiết tấu trong từng vần thơ của cậu bé mười bốn tuổi đã phần nào khẳng định tài năng xuất chúng với trình độ thượng thừa trong cách chơi chữ xứng đáng với danh xưng “thần đồng” thi ca. Kông những thế nahf thơ còn lồng ghép linh hoạt nhiều phép nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa hay từ láy khiến thơ của ông không những hóm hỉn, vui nhộn mà còn vô cùng có chiều sâu và đầy tinh tế...[ *Cây dừa*]

Điều khiến thơ ông khác lạ so với những nhà thơ cùng độ tuổi lúc bấy giờ là cách đưa thế giới xung quanh vào tác phâm bằng một tâm hồn sâu sắc cùng đôi mắt quan sát nhạy bén. Từng vần thơ Trần Đăng Khoa đã thể hiện trọn vẹn vẻ đẹp hồn nhiên, chân thực của trẻ thơ nên dễ dàng chạm đến trái tim của độc giả và để lại trong họ miền kí ức tươi đẹp của những ngày còn thơ bé. Dù có phủ bao nhiêu lớp bụi của thời gian thì thơ Trần Đăng Khoa vẫn luôn sống mãi trong dòng chảy văn chương bởi những nội dung, nghệ thuật đặc sắc chứa đựng trong từng câu chữ...

Cho đến tận hôm nay, Trần Đăng Khoa vẫn mãi là tinh tú trên bầu trời văn học Việt Nam. Các tác phẩm của ông không chỉ đóng góp cho thơ ca nước nhà những áng thơ bay bổng mà còn giúp người đọc lưu giữ miền kí ức tuổi thơ vào sâu trong tâm khảm.

*(Theo Thiên Nhi, https://revologuecom/tac-gia-tran-dang-khoa)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào?

A. Nghị luận văn học. B. Nghị luận xã hội.

C. Văn bản thơ D. Văn bản truyện trưởng.

**Câu 2.** Chất liệu làm nên tác phẩm thơ Trần Đăng Khoa là gì?

A. Con người và các mối quan hệ

B. Những sự vật giải dị, quen thuộc xung quanh

C. Những vấn đề trong cuộc sống hàng ngày

D. Những vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên

**Câu 3.** Tác giả bài viết đã nhận định phong cách thơ Trần Đăng Khoa như thế nào?

A. Châm biếm, đả kích B. Hài hước vui vẻ, tự nhiên

C. Mạnh mẽ, mãnh liệt D. Nhẹ nhàng hồn nhiên nhưng sâu sắc

**Câu 4.** Để chứng minh thơ Trần Đăng Khoa trog veo và xúc động, chạm tới trái tim người đọc, tác giả bài viết đã phân tích những bài nào?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?.

**Câu 5.** Tác giả bài viết đã lấy bài thơ nào làm dẫn chứng cho chủ đề gắn bó với quê hương và thiên nhiên trong thơ Trần Đăng Khoa?

A. Cây dừa. B. Đám ma bác giun. C. Hạt gạo làng ta. D. Trăng ơi từ đâu đến?**Câu 6. Câu 6.** Đánh dấu X vào đặc trưng nghệ thuật của thơ Trần Đăng Khoa được nhắc đến trong văn bản?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đặc trưng nghệ thuật** | **Đánh dấu** |
| 1 | Du dương với cách gieo chữ có vần nhịp |  |
| 2 | Hình ảnh thơ hoành tráng, kì vĩ |  |
| 3 | Nghệ thuật tương phản đối lập sử dụng triệt để |  |
| 4 | Sử dụng linh hoạt nhiều biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, từ láy |  |

**Câu 7.** Văn bản được kết thúc bằng nội dung nào?

A. Khẳng định vẻ đẹp trong phong cách và giá trị thơ ca của Trần Đăng Khoa

B. Bàn về những tác phẩm mới xuất bản của Trần Đăng Khoa.

C. Phát biểu cảm nghĩ về con người Trần Đăng Khoa thể hiện trong thơ ca.

D. Nói về con người Trần Đăng Khoa ở thời điểm hiện tại.

# Câu 8. Câu “Trăng ơi...từ đâu đến?” thuộc kiểu câu nào?

A. Câu hỏi

B. Câu cầu khiến

C. Câu cảm thán.

D. Câu kể. 

**Câu 9.** Chọn và viết một đoạn thơ giàu tính nhạc của Trần Đăng Khoa?

**Câu 10.** Liệt kê danh sách những bài thơ của Trần Đăng Khoa mà em đã học?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

**I. Phần đọc hiểu**

**Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

*(* Theo *Truyện ngắn Tạ Duy Anh )*

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông B. Chớm hè

C. Cuối xuân D. Đầu thu

**Câu 2.** Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh. B. Ông lão ăn mày.

C. Người kể chuyện giấu mặt. D. Cậu bé ăn mày.

**Câu 3**. Trong câu văn: *Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy*., từ “*có thể*” là thành phần gì?

A. Thành phần cảm thán B. Thành phần tình thái

C. Thành phần gọi đáp D. Thành phần phụ chú.

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh B. Nhân hóa

C. Nói qúa D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Cốt truyện của truyện ngắn “Củ khoai nướng” thuộc loại nào sau đây?

A. Cốt truyện đơn tuyến B. Cốt truyện đa tuyến

C. Không có cốt truyện D. Không thể xác định.

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng B. Coi thường

C. Biết ơn D. Thương hại

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Từ câu chuyện của cậu bé Mạnh, em hãy viết đoạn văn (3– 5 câu) trình bày suy nghĩ về lòng yêu thương?

**II. Phần viết**

**I. ĐỌC HIỂ****U (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

**THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?**

Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người. Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự sụt giảm diện tích rừng trên toàn cầu.

Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.

Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.

(Theo THU THỦY – songmoi.vn)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**: Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?

A. Vì nêu lên được thực trạng về cây xanh đang mất dần

B. Vì phân biệt được các lợi ích của cây xanh

C. Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá

D. Vì nêu được ý kiến và làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng

**Câu 2**: Thái độ quan tâm, lo lắng của tác giả thể hiện rõ ở câu văn nào ?

A. Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu.

B. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh.

C. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí.

D. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?

**Câu 3**: Ý chính của câu kết “Tóm lại [...] màu xanh của cỏ cây” là gì?

A. Sống hài hoà với cỏ cây là tiêu chí của cuộc sống hạnh phúc.

B. Trong mắt nhiều người, cỏ cây tựa như “thiên đường”.

C. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là nơi có cỏ cây.

D. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là “thiên đường”.

**Câu 4**: Bằng chứng cụ thể của người viết?

A. Nếu không có cây xanh che chắn bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

B. Một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon

(hơn 151. 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm.

C. Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà

không khí.

D. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây

xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

**Câu 5**: Tầm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn nào?

A. Có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm.

B. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

C. Sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất.

D. Khí hậu Trái Đất đang dân tăng 1 - 1,5°C trong thế kỉ qua.

**Câu 6**: Câu nào sau đây chứa từ tượng hình?

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh" long lanh đa sắc

B. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

C.Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu

D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng trong thế kỉ qua.

**Câu 7**:

Qua câu: “Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh””, tác giả muốn khẳng định điều gì?

A. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.

B. Cây cối có vai trò to lớn, có thể thay cho lá phổi con người.

C. Cây cối có tác động to lớn đến tình hình khí hậu trên Trái Đất.

D. Cây cối làm cho lá phổi con người xanh và mát mẻ, dễ chịu.

**Câu 8**: Vấn đề chính của văn bản mà tác giả đặt ra là:

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”.

B. Mỗi bộ phận của cây xanh đều có tác động đến khí hậu.

C. Con người không thể sống thiếu cây xanh.

D. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**: Viết khoảng 2 câu văn mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh...” theo cách diễn dịch

**Câu 10:** Hãy viết ra 2 việc làm cụ thể mà em và mọi người có thể làm được để bảo vệ môi trường.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau:**

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.*

*Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.*

(Theo *Trần Thị Cẩm Quyên*, in trong *Văn học và tuổi trẻ*, số 11 - 2021)

**Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 6 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tự sự 2. Miêu tả | C. Nghị luận  D. Biểu cảm |

**Câu 2.**  Theo tác giả, tại sao “Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại*.*”*?*

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

**Câu 3.** Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Câu 4**. Biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu: “Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công*”.*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ẩn dụ, so sánh  B. So sánh, liệt kê | C. So sánh, điệp ngữ  D. So sánh, nhân hoá |

**Câu 5.** Từ “*thành công*” trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

**Câu 6.** Văn bản trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đoàn kết là sức mạnh.  B. Thất bại là mẹ thành công. | C. Thất bại là thầy của chúng ta.  D. Đừng sợ thất bại. |

**Câu 7.**Em có đồng ý với quan điểm *“*Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố.*”*? Vì sao?

**Câu 8.** Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của lòng quyết tâm, sự kiên trì trong cuộc sống (Trả lời bằng đoạn văn từ 5 đến 7 câu).